



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam 11
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19
Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29
Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41
Đoàn Ngọc Phúc
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam 51
Bùi Minh Chuyên
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61
Phan Thị Hoàn
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71
Trương Thùy Hương
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế 80
Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng 93
Phạm Quang Tín
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104
Lê Công Hường
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127
Võ Hữu Hòa
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137
Võ Văn Dũng
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu 144
Phan Thúy Hằng

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 12/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu
 2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy
 3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**
Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom
 4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation**29**
Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh
 5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**
Doan Ngoc Phuc
 6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises**51**
Bui Minh Chuyen
 7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises**61**
Phan Thi Hoan
 8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**
Truong Thuy Huong
 9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**
Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh
 10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**
Pham Quang Tin
 11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province.**104**
Le Cong Huong
 12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan
 13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**
Vo Huu Hoa
 14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**
Vo Van Dung
 15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**
Phan Thuy Hang
-

Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

Lê Công Hường

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên

Email liên hệ: leconghuong@gmail.com

Tóm tắt: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững luôn là mục tiêu phấn đấu của Phú Yên nói riêng và Việt Nam nói chung. Bằng phương pháp phân tích thống kê mô tả và phương pháp chuyên gia với dữ liệu thu thập từ Tổng cục thống kê, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, các báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước tại Phú Yên, bài viết đánh giá tình hình tăng trưởng kinh tế và sự đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Phú Yên đã đạt được bước tiến đáng kể về tăng trưởng kinh tế, quy mô nền kinh tế trong hơn một thập kỷ qua. Động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên chủ yếu từ ngành công nghiệp- xây dựng, dịch vụ và thành phần kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững, quy mô nền kinh tế còn nhỏ so với các địa phương trong vùng và cả nước, năng lực sản xuất của các ngành kinh tế chưa cao, kinh tế tư nhân đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế nhưng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp còn nhỏ. Từ những phát hiện đó, bài viết gợi mở một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tỉnh Phú Yên trong thời gian tới.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế, Phú Yên.

Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province

Abstract: Rapid and sustainable economic growth has always been a key goal for Phu Yen in particular and Vietnam in general. This study employs descriptive statistical analysis and expert evaluation methods, utilizing data collected from the General Statistics Office, Phu Yen Provincial Statistics Office, and reports from government agencies in Phu Yen to assess the economic growth trends and the contributions of various sectors and economic components to Phu Yen's economic development from 2011 to 2023. The findings reveal that Phu Yen has made significant progress in economic growth and economic scale over the past decade. The primary drivers of the province's economic growth have been the service sector, the industry-construction sector, and the private economy. However, the growth rate has not been entirely sustainable, with the economic scale still relatively small compared to other provinces in the region and nationwide. Additionally, the production capacity of various economic sectors remains limited. While the private sector has made significant contributions, its business scale remains modest. From these findings, the article suggests solutions to promote sustainable development in Phu Yen in the coming time.

Keywords: Economic growth, contributions of sectors and economic sectors, Phu Yen.

Ngày nhận bài: 13/5/2024; **Ngày phản biện:** 01/6/2024; **Ngày duyệt đăng:** 10/9/2024

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia, địa phương, nhất là các quốc gia, địa phương đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế sẽ tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và phúc lợi xã hội của cộng đồng dân cư. Theo các lý thuyết về mô hình tăng

trường kinh tế như: lý thuyết tăng trưởng cổ điển của Adam Smith (1776), lý thuyết tân cổ điển của Robert Solow (1956), lý thuyết tăng trưởng hiện đại của Paul Romer (1986) và Mankiw và cộng sự (1992) và các lý thuyết liên quan của Ricardo (1817), Harrod (1939), Domar (1946) đều cho rằng tăng trưởng kinh tế chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung gồm nguồn vốn, nguồn lao động, nguồn tài nguyên thiên nhiên và công nghệ kỹ thuật. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cầu gồm tiêu dùng của dân cư, chi tiêu của chính phủ, đầu tư của các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế và xuất nhập khẩu ròng. Ở góc độ sản xuất, sự phát triển của các ngành, các thành phần kinh tế cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng chung của nền kinh tế. Ngoài ra, yếu tố môi trường kinh tế và môi trường tự nhiên cũng ảnh hưởng đến rất nhiều đến tăng trưởng kinh tế. Do vậy, tùy theo từng quốc gia, địa phương mà tăng trưởng kinh tế là khác nhau.

Phú Yên là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, được tái lập tỉnh vào ngày 01/7/1989. Sau hơn 30 năm tái lập và phát triển, Phú Yên đã đạt được những kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế xã hội. Dù đã có những nỗ lực trong phát triển kinh tế nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, thiếu bền vững; quy mô nền kinh tế tỉnh vẫn còn khá khiêm tốn so với các tỉnh trong khu vực. Năm 2023, giá trị GRDP (theo giá so sánh) đạt 31,35 nghìn tỷ đồng, đứng khoảng thứ 11/14 tỉnh, thành trong khu vực miền Trung và đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nguy cơ phát triển chậm hơn so với các tỉnh trong khu vực có điều kiện tương đồng là rất lớn, trong khi với những tiềm năng và lợi thế sẵn có, Phú Yên hoàn toàn có thể vượt qua những khó khăn và trở thành một tỉnh phát triển năng động trong khu vực (UBND tỉnh Phú Yên, 2023). Vì vậy, việc phân tích, đánh giá, làm rõ hơn thực trạng tăng trưởng kinh tế, sự đóng góp của các ngành, thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên, đặt trong mối quan hệ với các yếu tố cơ bản ảnh hưởng chung đến tăng trưởng kinh tế là cần thiết và có ý nghĩa vô cùng quan trọng, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp phù hợp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên một cách bền vững và hiệu quả trong thời gian đến.

2. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong số nhiều chỉ tiêu thống kê, đo lường về nền kinh tế, GRDP là chỉ tiêu quan trọng nhất mà Việt Nam lựa chọn để đánh giá và so sánh tăng trưởng kinh tế của các địa phương trong cả nước. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh giá trị mới tăng thêm của hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trên địa bàn tỉnh/thành phố trong một thời gian nhất định (6 tháng, năm). Hiện có 3 phương pháp chủ yếu để tính tổng sản phẩm trên địa bàn là phương pháp sản xuất, phương pháp thu nhập và phương pháp sử dụng. Trong nghiên cứu này đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế, quy mô nền kinh tế, đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế theo góc độ sản xuất.

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu phản ánh sự gia tăng về quy mô, khối lượng hàng hoá và dịch vụ được tạo ra trong nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (GRDP). Bản chất của tăng trưởng phản ánh sự thay đổi về lượng của nền kinh tế, tức là sự thay đổi giá trị GRDP. Sự thay đổi về lượng của nền kinh tế được thể hiện ở sự tăng lên về quy mô và tốc độ. Theo Bùi Quang Bình (2010) có thể tính quy mô tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương theo phương pháp liên hoàn hay cố định kỳ gốc.

Căn cứ vào mục đích nghiên cứu, dữ liệu thu thập và các công thức tính toán liên quan, nghiên cứu sẽ sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả để phân tích tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp chuyên gia thông qua việc trao đổi, thảo luận và nhận định các vấn đề liên quan từ số liệu tính toán, phân tích.

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu chuỗi thời gian theo năm, từ năm 2010 đến năm 2023 (số liệu 2023 là số sơ bộ), được thu thập chủ yếu từ các nguồn Tổng cục thống kê, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, các báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước tại Phú Yên.

Tất cả các giá trị GRDP của nền kinh tế, các ngành và thành phần kinh tế tác giả sử dụng số liệu theo giá so sánh năm 2010.

3. Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

3.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 – 2023

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2023

Đơn vị tính: %

Giai đoạn	Tốc độ tăng trưởng bình quân								
	GRDP	Theo ngành kinh tế				Theo thành phần kinh tế			
		Nông, lâm, thủy sản	CN & XD	Dịch vụ	Thuế trừ trợ cấp SP	Khu vực NN	Khu vực ngoài NN	Khu vực FDI	Thuế SP
2011-2015	6,56	5,26	6,90	7,08	8,14	5,85	6,35	13,94	8,14
2016-2020	6,60	3,80	10,10	6,40	4,86	10,29	5,21	13,48	4,86
2021-2023	5,71	2,93	8,43	5,88	1,42	5,40	6,28	3,63	1,42

Nguồn: Xử lý số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

3.1.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2023 không đồng đều qua các năm, chênh lệch giữa năm có tốc độ tăng trưởng cao nhất và thấp nhất là rất lớn. Năm 2021 là năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất là 1%, năm 2023 là năm có mức tăng trưởng cao nhất là 9,16%, các năm còn lại tốc độ tăng trưởng kinh tế dao động từ 3,5%/năm đến 7,8%/năm.

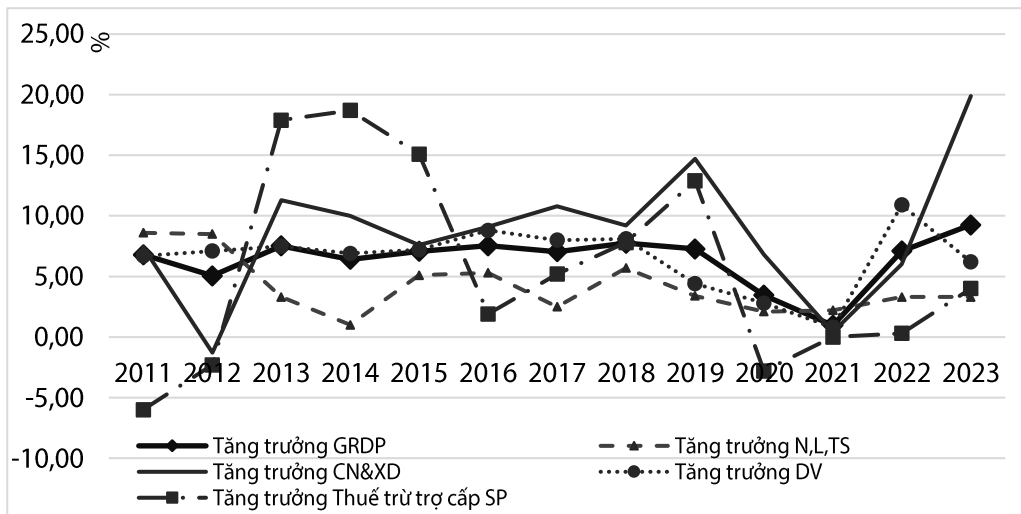
Về tốc độ tăng trưởng bình quân, theo Bảng 1 tốc độ tăng trưởng bình quân của Phú Yên có xu hướng giảm dần qua các giai đoạn, giai đoạn 2016 - 2020 tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt cao hơn 0,04 điểm phần trăm so với giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2021 - 2023 thấp hơn giai đoạn 2016-2020 là 0,9 điểm phần trăm. Điều này cho thấy kinh tế tỉnh đang đối mặt với một số thách thức nhất định trong phát triển các ngành, các thành phần kinh tế và thiếu một số nền tảng quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, nhất là hệ thống giao thông liên vùng chưa đồng bộ, cảng biển chưa được đầu tư hiện đại, hạn chế khả năng xuất nhập khẩu và phát triển kinh tế biển...

Mặt khác, so với một số tỉnh lân cận trong vùng duyên hải miền Trung như Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Phú Yên ở mức trung bình và đang mất dần ưu thế. Mặc dù, giai đoạn 2011-2015, Phú Yên có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá tốt so với Bình Định nhưng trong các giai đoạn sau, khoảng cách này đã thu hẹp lại và thậm chí Phú Yên còn có dấu hiệu tụt hậu so với một số tỉnh khác. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2015 của Bình Định là 6,45 %/năm, giai đoạn 2016-2020 là 6,2%/năm và giai đoạn 2021-2023 là 6,78%/năm (Cục Thống kê tỉnh Bình Định, 2011-2023); Quảng Ngãi giai đoạn 2011- 2015 là 6,22%/năm, giai đoạn 2016 -2020 là 3,58%/năm và giai đoạn 2021- 2023 là 7,06%/năm (Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, 2011-2023); Quảng Nam giai đoạn 2011- 2015 là 9,83%/năm, giai đoạn 2016 -2020 là 6,37%/năm và giai đoạn 2021 - 2023 là 1,47%/năm (Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, 2011-2023).

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh chuyển dịch theo

hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp nhưng ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn trong cơ cấu kinh tế. Đến năm 2023, ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24,78%; công nghiệp- xây dựng chiếm 28,03%; dịch vụ chiếm 42,74%. Điều này cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh diễn ra còn chậm.

Tăng trưởng kinh tế đã góp phần tăng quy mô GRDP của tỉnh. Đến năm 2023, giá trị GRDP tăng gấp 2,2 lần so với năm 2010 và 1,63 lần so với năm 2020, bằng 4,2% GRDP của các tỉnh duyên hải Miền Trung và 0,54% so với quy mô nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, so với các tỉnh trong cả nước thì quy mô nền kinh tế của Phú Yên vẫn còn khiêm tốn, đứng thứ 11/14 tỉnh, thành trong khu vực duyên hải miền Trung và đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố cả nước. Điều này cho thấy, dù Phú Yên có tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm cao nhưng giá trị GRDP tạo ra vẫn sẽ thấp hơn nhiều so với các tỉnh có quy mô lớn hơn. Hiện nay, GRDP bình quân đầu người của tỉnh cũng đang ở mức thấp, năm 2023 đạt khoảng 65,2 triệu đồng/người, bằng 79% so với Bình Định, bằng 60% so với Quảng Ngãi và bằng 84,5% so với Quảng Nam. Điều này đòi hỏi Phú Yên cần phải đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian đến. Tăng trưởng kinh tế hàng năm của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2023 cũng cho thấy có những biến động nhất định, đặc biệt là các năm 2020, 2021 tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh ở mức rất thấp (Hình 1). Nguyên nhân là do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID 19, đây cũng là bối cảnh chung của hầu hết các địa phương trong cả nước ở giai đoạn này.



Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2023

Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

3.1.2. Tăng trưởng của các ngành kinh tế

Ngành nông, lâm, thủy sản: Phú Yên có điều kiện thuận lợi về đất đai, nguồn nước và lực lượng lao động nông thôn ... để sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn tỉnh có Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thành lập vào năm 2013 với quy mô giai đoạn 1 khoảng 460ha, và đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với nhà máy chế biến đường, tinh bột sắn. Bên cạnh đó, tỉnh có đường bờ biển dài 189km, với nhiều đầm vịnh và đội tàu khai thác thủy sản, đánh bắt xa bờ và các cơ sở dịch vụ hậu cầu nghề cá được đầu tư thì ngành thủy sản cũng được xác định là ngành có lợi thế của tỉnh. Thế nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành nông, lâm, thủy sản không cao và có xu hướng giảm dần, giai đoạn 2011 - 2016 ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 3,8%/năm, giai đoạn 2016 -2020 tăng bình quân 5,26%/năm nhưng giai đoạn 2021- 2023 tăng 2,93%/năm. Đến nay, quy mô sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ; kinh tế

thủy sản phát triển còn chậm; các sản phẩm chủ lực vẫn là mía, sắn, cao su, bò vàng, cá ngừ đại dương, tôm hùm, lúa gạo với khả năng cạnh tranh còn hạn chế, chưa tạo ra được các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tái cơ cấu nông nghiệp được triển khai nhưng chưa tạo được sự đột phá, việc canh tác nhỏ lẻ, ứng dụng công nghệ còn hạn chế, giá cả sản phẩm nông nghiệp biến động...Điều này cho thấy khả năng phát triển của ngành chưa tương xứng và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững trong thời gian đến.

Ngành công nghiệp xây dựng: Thời gian qua, hoạt động đầu tư xây hạ tầng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh khá sôi động, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp đã đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm đã góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp xây dựng phát triển. Giai đoạn 2011-2015 ngành công nghiệp xây dựng tăng bình quân 6,9%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 10,1%/năm và giai đoạn 2021 - 2023 tăng bình quân 8,43%/năm. Mặc dù tốc độ tăng trưởng của ngành cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh nhưng đến nay sản xuất của ngành công nghiệp xây dựng vẫn còn nhiều khó khăn. Trong các ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh thì công nghiệp chế biến đóng góp chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp, song chủ yếu lại là những ngành gia công, sử dụng nhiều nguyên vật liệu. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh còn thấp; năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, công nghệ mới còn hạn chế nên tạo ra giá trị gia tăng cao còn thấp. Đặc biệt, Khu kinh tế Nam Phú Yên được thành lập năm 2008, với lợi thế có cảng biển, sân bay, được tỉnh đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng đến nay chưa thu hút được dự án đầu tư lớn, mang tính động lực để thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh hơn.

Ngành dịch vụ: Hoạt động dịch vụ có bước phát triển và chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao. Phú Yên đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến, quảng bá và hợp tác liên kết phát triển du lịch nên hoạt động du lịch có dấu hiệu khởi sắc, lượng khách du lịch đến Phú Yên và doanh thu du lịch hàng năm tăng khá. Giai đoạn 2011-2015 ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân 7,08%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 6,4%/năm và giai đoạn 2021- 2023 tăng bình quân 5,88%/năm. Thế nhưng với nhiều lợi thế trong phát triển du lịch như bờ biển dài, có nhiều vịnh, bãi biển đẹp, nhiều di tích lịch sử và so với sự phát triển ngành du lịch của các tỉnh lân cận trong vùng thì ngành du lịch của tỉnh quy mô khá nhỏ, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế vốn có. Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có các dự án có quy mô lớn đầu tư về tổ hợp khu vui chơi, khách sạn, nhà hàng, khu giải trí, sân golf; sản phẩm du lịch chưa phong phú, thiếu tính đặc trưng nên khả năng cạnh tranh chưa cao; thiếu các dịch vụ du lịch để giữ chân du khách lưu lại dài ngày. Liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong cả nước chưa hiệu quả. Do vậy, ngành du lịch Phú Yên cần phải tìm cách đầu tư hơn nữa cả về con người và vật chất để đưa ngành này phát triển đóng góp vào sự phát triển kinh tế.

3.1.3. Về tăng trưởng của các thành phần kinh tế

Đối với thành phần kinh tế nhà nước: Doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm nhẹ, do có sự chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần. Giai đoạn 2011- 2015, kinh tế nhà nước tăng bình quân 5,85%/năm; giai đoạn 2016 – 2020 tăng 10,3%/năm và giai đoạn 2021- 2023 tăng bình quân 5,4%/năm. Mặc dù khu vực kinh tế nhà nước có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong giai đoạn gần đây, nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đối với thành phần kinh tế ngoài nhà nước: Tỉnh đã tập trung triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh

ng nghiệp. Đến nay, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 3.706 doanh nghiệp nhưng chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa phát huy được tính năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý còn nhiều hạn chế, nhiều doanh nghiệp chưa định hướng hoặc xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn cho đơn vị. Nếu quan sát có thể thấy rằng phần lớn hiệu quả sản xuất còn thấp hơn so với cả nước và một số tỉnh xung quanh.

Đối với thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Giai đoạn 2011 -2023 có 26 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đầu tư vào tỉnh. Phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản và thủy sản, quy mô hoạt động ở mức trung bình.

3.2. Đóng góp các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

3.2.1. Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế.

Theo kết quả Bảng 2, ngành Dịch vụ đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2011-2015. Giai đoạn 2016-2020 vẫn giữ vai trò quan trọng, đóng góp ngang bằng với ngành công nghiệp và xây dựng và giai đoạn 2021-2023 mặc dù vẫn đóng góp lớn nhưng tỷ trọng có giảm nhẹ so với hai ngành còn lại. Điều này có thể do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến các hoạt động dịch vụ, số lượng du khách đến tỉnh giảm nên ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành du lịch.

Bảng 2: Mức độ và tỷ phần đóng góp của các ngành kinh tế vào tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

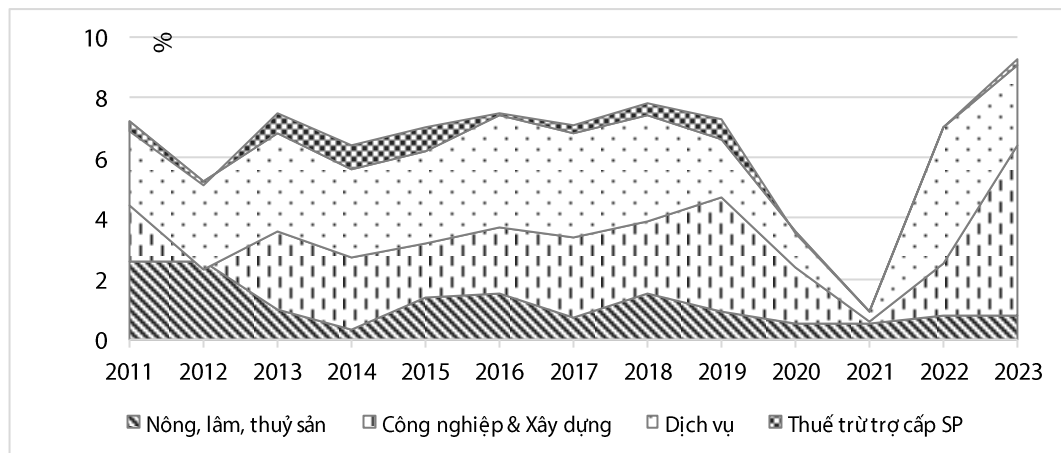
Đơn vị tính: %

Bình quân giai đoạn	Mức độ đóng góp				Tỷ phần đóng góp			
	Nông lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP	Nông lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP
2011-2015	1,5	1,7	2,9	0,4	23,2	25,5	44,9	6,5
2016-2020	1,0	2,7	2,7	0,3	15,2	40,2	40,7	3,9
2021-2023	0,7	2,5	2,5	0,1	12,2	43,6	43,0	1,2

Nguồn: Xử lý số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

Đối với ngành Công nghiệp và xây dựng giai đoạn 2011-2015 đóng góp lớn thứ hai, cho thấy sự phát triển của các khu công nghiệp, xây dựng hạ tầng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tỉnh; giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng mạnh, đóng góp ngang bằng với ngành dịch vụ và giai đoạn 2021-2023 trở thành ngành đóng góp lớn nhất, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ sau dịch bệnh và vai trò ngày càng quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh, nhất là trong bối cảnh Phú Yên và cả nước sử dụng công cụ đầu tư công trong đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng để kích cầu đầu tư góp phần phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đối với ngành Nông nghiệp, lâm và thủy sản dù đóng góp một phần không nhỏ vào tăng trưởng GRDP trong giai đoạn đầu, nhưng tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vào tăng trưởng chung của tỉnh có xu hướng giảm dần qua các giai đoạn. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành này cũng giảm dần qua các giai đoạn, đặc biệt là trong giai đoạn 2021-2023. Điều này cho thấy ngành nông nghiệp vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.



Hình 2. Mức độ đóng góp của các ngành kinh tế vào tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011 - 2023 tỉnh Phú Yên

Nguồn: Xử lý số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

Như vậy, sự đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế Phú Yên có sự thay đổi theo thời gian. Từ việc ngành dịch vụ đóng góp lớn nhất trong giai đoạn đầu, đến việc ngành công nghiệp và xây dựng trở thành động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn gần đây cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Phú Yên. Kinh tế tỉnh với trụ cột là ngành công nghiệp xây dựng, trong đó công nghiệp chế biến đóng vai trò quan trọng và là đầu tàu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu của tỉnh trong thời gian qua, điều này cho thấy nếu thời gian tới vẫn chưa có cú hích trong ngành công nghiệp này thì Phú Yên chưa có những đột phá trong tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Hình 2).

3.2.2. Đóng góp các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế.

Bảng 3. Mức độ và tỷ phần đóng góp của từng thành phần kinh tế vào tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2023

Đơn vị tính: %

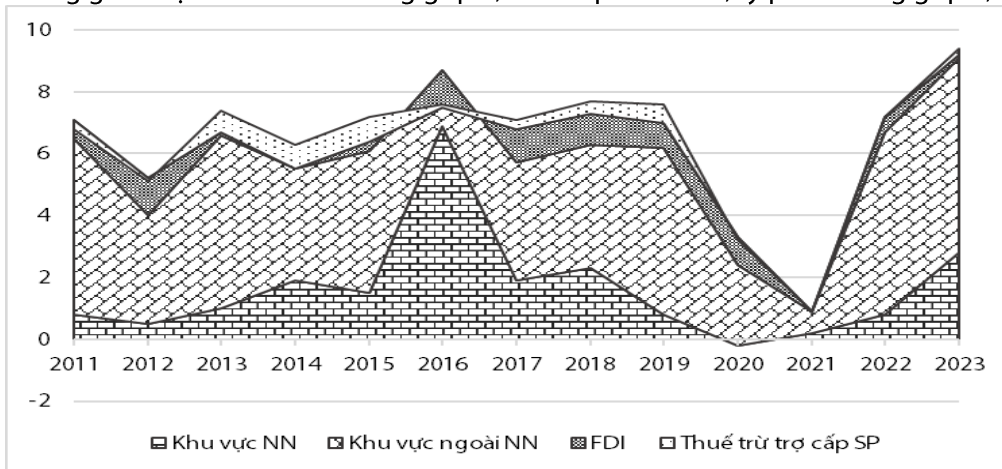
Bình quân Giai đoạn	Tốc độ tăng trưởng GRDP	Mức độ đóng góp				Tỷ phần đóng góp			
		Khu vực NN	Khu vực ngoài NN	Khu vực FDI	Thuế SP	Khu vực NN	Khu vực ngoài NN	Khu vực FDI	Thuế SP
2011-2015	6,56	1,2	4,6	0,4	0,4	17,7	69,5	6,3	6,5
2016-2020	6,60	2,2	3,6	0,6	0,3	32,8	54,9	8,4	3,9
2021-2023	5,71	1,2	4,2	0,2	0,1	21,8	73,9	3,1	1,2

Nguồn: Xử lý số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

Theo kết quả Bảng 3 cho thấy, Khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn là thành phần đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GRDP trong cả 3 giai đoạn. Điều này cho thấy khu vực kinh tế ngoài nhà nước có vai trò động lực chính trong thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh. Tỷ trọng đóng góp của khu vực này có xu hướng tăng lên, đặc biệt là trong giai đoạn 2021-2023 đóng góp 4,2 điểm phần trăm, tỷ phần đóng góp 73,9%, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp tư nhân.

Đối với khu vực kinh tế nhà nước vẫn đóng góp một phần đáng kể, nhưng tỷ trọng đóng góp của khu vực này có xu hướng giảm dần qua các giai đoạn, trong đó giai đoạn 2016- 2020 đóng góp 2,2 điểm phần trăm, tỷ phần đóng góp 32,8%; giai đoạn 2021- 2023 đóng góp 1,2 điểm phần trăm, tỷ phần đóng góp 21,8%. Điều này phản ánh quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, giảm dần vai trò của nhà nước trong sản xuất kinh doanh, tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực như dịch vụ công, đảm bảo an sinh xã hội.

Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tỷ trọng còn khá khiêm tốn so với hai khu vực còn lại, nhưng đóng góp của FDI vào tăng trưởng GRDP có xu hướng tăng lên, đặc biệt là trong giai đoạn 2016-2020 đóng góp 0,6 điểm phần trăm, tỷ phần đóng góp 8,4%.



Hình 3. Mức độ đóng góp của từng thành phần kinh tế vào tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011 - 2023 tỉnh Phú Yên

Nguồn: Xử lý số liệu Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (2011-2023)

Qua phân tích trên có thể thấy, động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo thành phần kinh tế có sự chuyển dịch rõ rệt từ khu vực kinh tế nhà nước sang khu vực kinh tế ngoài nhà nước là xu hướng tất yếu và tích cực, thể hiện sự năng động và đổi mới của nền kinh tế tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, khu vực kinh tế ngoài nhà nước là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian gần đây nhưng hiện nay các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khả năng sản xuất còn hạn chế; thành phần kinh tế FDI có đóng góp tích cực, mang lại nguồn vốn, công nghệ và tạo việc làm, góp phần đa dạng hóa nền kinh tế nhưng số lượng rất ít, đặt ra những thách thức nhất định cho tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững trong tương lai.

4. Kết luận và một số kiến nghị

Trong hơn 10 năm qua, Phú Yên đã có những nỗ lực trong phát triển kinh tế, đạt được những kết quả nhất định về tốc độ tăng trưởng kinh tế, quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, kinh tế tỉnh vẫn còn những hạn chế nhất định như tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm chưa cao; quy mô nền kinh tế tỉnh vẫn còn khá khiêm tốn so với các tỉnh trong khu vực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; các ngành, các thành phần kinh tế là động lực cho tăng trưởng kinh tế tỉnh năng lực phát triển còn rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế này là do các ngành phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế, nhất là các ngành kinh tế biển như là du lịch biển, kinh tế thủy sản. Ngành công nghiệp, xây dựng là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến thủy sản, chế biến hạt điều, sản xuất mía đường, may mặc, chế biến tinh bột sắn... giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp. Thành phần kinh tế tư nhân đóng vai trò ngày càng lớn cho tăng trưởng kinh tế nhưng hiện phần lớn các doanh nghiệp chủ yếu quy mô vừa và nhỏ, hoạt động chủ yếu quy mô địa phương. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, cảng biển, sân bay chưa được đầu tư đồng bộ; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất hiệu quả chưa cao; cải thiện môi trường đầu tư còn nhiều hạn chế cũng là các nguyên nhân ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Do vậy, để nền kinh tế tỉnh tăng trưởng nhanh và bền vững hơn trong thời gian đến, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị chủ yếu như sau:

Một là, rà soát lại định hướng phát triển các ngành kinh tế trong thời gian đến, theo đó tập trung phát triển chiều sâu các ngành kinh tế biển tỉnh đang có lợi thế. Phát triển du lịch với hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại, đa dạng sản phẩm du lịch; giàu bản sắc văn hóa; từng bước hình thành các trung tâm du lịch lớn, đáp ứng tiêu chuẩn du lịch quốc gia và quốc tế, lấy du lịch biển đảo làm mũi nhọn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản với các sản phẩm chủ lực là cá ngừ đại dương, tôm hùm. Tiếp tục tạo điều kiện phát triển và nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp như chế biến nông, lâm, thủy sản chất lượng cao; hóa chất (hóa dược,...); cơ khí - chế tạo; công nghiệp gắn với công nghệ số; dệt may; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp quan trọng vào Khu công nghiệp Hòa Tâm và đầu tư xây dựng Cảng Bãi Gốc. Phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ tốt cho sản xuất và nâng cao chất lượng sống của người dân, bao gồm: Dịch vụ cảng, dịch vụ nghề cá, vận tải biển, logistics lớn, thương mại, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch và dịch vụ công nghệ thông tin. Phát triển nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững, hình thành các vùng nguyên chuyên canh quy mô lớn (như vùng cây ăn quả, cây dược liệu,...), có giá trị gia tăng cao gắn với hình thành chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương trong tỉnh. Các trọng điểm trong lĩnh vực nông nghiệp là mía, cao su, bò vàng, một số sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

Hai là, triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về vốn, đào tạo, tiếp cận thị trường, tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển bền vững. Kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp.

Ba là, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông với tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính gắn kết với các trung tâm, các đầu mối giao thương lớn của vùng và cả nước; các nút giao thông kết nối với cao tốc Bắc - Nam, tuyến kết nối cảng biển; tuyến quốc lộ kết nối trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa, Bình Định và các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai) tạo liên kết phát triển vùng; Khu kinh tế Nam Phú Yên với hạt nhân là phát triển cảng nước sâu Bãi Gốc và Khu công nghiệp Hòa Tâm nhằm phát huy lợi thế nằm gần đường hàng hải quốc tế để thu hút đầu tư phát triển các dự án luyện kim, lọc, hóa dầu; năng lượng sạch; trong đó đầu tư công là công quan trọng trong đầu tư kết cấu hạ tầng, kích cầu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, coi đây là một trong các động lực chủ yếu của phát triển. Nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo lao động có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong các ngành và lĩnh vực.

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả. Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thân thiện, nâng dần vị trí xếp hạng các chỉ số của tỉnh lên thuộc nhóm tốt của cả nước. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính, xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số.

Sáu là, chủ động liên kết phát triển với các địa phương trong vùng và cả nước. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác nhằm hình thành và phát triển mối quan hệ lâu dài, bền vững làm cơ sở phát huy lợi thế, khai thác các tiềm năng của từng địa phương, thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Quang Bình. (2010). *Kinh tế Phát triển*. Nhà xuất bản Giáo dục 2010.
- Cục Thống kê tỉnh Phú Yên. (2011-2023). *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên (năm: 2011-2023)*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Cục Thống kê tỉnh Bình Định. (2011-2023). *Niên giám thống kê tỉnh Bình Định (năm: 2011-2023)*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi. (2011-2023). *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi (năm 2011-2023)*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam. (2011-2023). *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam (năm 2011-2023)*. Nxb Thống kê. Hà Nội.
- Harrod, R. F. (1939). An essay in dynamic theory. *The Economic Journal*, 49(193), 14-33.
- Mankiw, N. G., D. Romer, & Weil, D. N. (1992). A Contribution to the Empirics of Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics*, 107(2), 407-437.
- Ricardo, D. (1817). *On the principles of political economy and taxation*. 3rd Edition (1821). John Murray, London.
- Romer, P. M. (1986). Increasing returns and long-run growth. *The Journal of Political Economy*, 94(5), 1002-1037.
- Smith, A. (1776). *An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations*. Methuen Co., Ltd., London.
- Solow, R. M. (1956). A contribution to the theory of economic growth. *Quarterly Journal of Economics*, 70(1), 65-94.
- Solow, R. M. (1957). Technical Change and the Aggregate Production Function. *Review of Economics and Statistics*, 39(3), 312-320
- UBND tỉnh Phú Yên (2023). *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.